

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2023/HS-ST
Ngày 16 tháng 3 năm 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Thuật và ông Vũ M Đón.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vinh Quy – Thẩm tra viên TAND huyện Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thơ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở, TAND huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2023/HSST ngày 10 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 12/2023/QĐXXST- HS ngày 01 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Đỗ M Đ, sinh năm 1996. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh trú quán: thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh H. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ và tên bố: Đỗ Văn P, sinh năm 1974. Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; Gia Đ1 có 03 anh em, bị cáo là lớn; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Ngày 11/11/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh H xử phạt 01 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Chấp hành xong bản án ngày 06/10/2021. Tiền sự: Không

Đỗ M Đ bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; Theo Lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa.

2. Mùi Văn M, sinh năm 2001 Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh trú quán: Bản S, xã N, huyện P, tỉnh S. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Mường. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ và tên bố: Mùi Văn B, sinh năm 1973. Họ và tên mẹ: Lường Thị H, sinh năm 1983; Gia Đ1 có 02 anh em, bị cáo là lớn; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Mùi Văn M bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Theo Lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo M:* Bà Lê Thị Thanh Hiền – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H. (Có mặt)

* **Bị hại: Anh Hoàng Thiệu Đ1.** Cư trú: Bản N, xã G, huyện P, tỉnh S. (vắng mặt, anh Đ1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Đặng M Nh, sinh năm 1996; (vắng mặt)
Địa chỉ: thôn Q, thị trấn A, huyện A, tỉnh H.
2. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1984; (vắng mặt)
Địa chỉ: Bản N, xã G, huyện P, tỉnh S.
3. Chị Lương Thị H, sinh năm 1983; (vắng mặt)
Địa chỉ: thôn H, xã L, huyện Y, tỉnh H.
4. Ông Mùi Văn B, sinh năm 1973; (vắng mặt)
Địa chỉ: Bản S, xã N, huyện P, tỉnh S

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 14 giờ ngày 07/11/2022, tại nhà nghỉ Thành Trung, địa phận thôn L, xã L, huyện Y anh Hoàng Thiệu Đ1 đã bị Mùi Văn M cùng Đỗ M Đ lừa đảo chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nuovo, BKS 26D1 – 04819 trị giá 8.000.000 đồng. Sau đó, đến ngày 11/11/2022 Đỗ M Đ tiếp tục lừa đảo chiếm đoạt của anh Đ1 số tiền 4.000.000 đồng.

Ngày 17/11/2022, anh Đặng M Nh, sinh năm 1996 ở thôn Q, thị trấn A, huyện A, tỉnh H giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y chiếc xe mô tô BKS 26D1 – 04819 nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 46 ngày 24/11/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y kết luận: 01 xe mô tô Yamaha Nuovo, đăng ký ngày 02/5/2012, BKS 26D1 – 04819 nêu trên có giá trị là 8.000.000 đồng.

Kết quả điều tra xác định: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 07/11/2022, tại nhà nghỉ Thành Trung Mùi Văn M gọi điện thoại cho anh Hoàng Thiệu Đ1 (Đ1 là cháu họ của M), nhờ đến nhà nghỉ Thành Trung để đưa M sang tỉnh HD xin việc. Sau đó, M gọi điện cho Đỗ M Đ đến phòng 201 nhà nghỉ Thành Trung để nói chuyện. Tại đây, do cần tiền tiêu sài nên Đ rủ M cùng mượn xe mô tô để đi cắm, và cả hai thống nhất mượn xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NUOVO, màu sơn trắng - đỏ BKS 26D1 - 048.19 của anh Hoàng Thiệu Đ1, khi anh Đ1 đi xe đến, M đã hỏi mượn xe của anh Đ1 để M và Đ đi mua đồ. Sau khi mượn được xe của anh Đ1, M điều khiển xe chở Đ đi đến cửa hàng mua bán xe của anh Đặng M Nh, đến nơi Đ đứng ở ngoài đợi, M đi xe vào gặp anh Nh và nói muốn cắm chiếc xe mô tô BKS 26D1 - 048.19 là xe của M, anh Nh nói cửa hàng chỉ mua bán xe chứ không nhận cầm cố, nên M đồng ý bán xe, anh Nh ra kiểm tra xe thấy không có giấy đăng ký xe thì M nói do quên không mang theo, anh Nh đồng ý mua chiếc xe trên với giá 4.000.000 đồng, và bảo M viết giấy bán chiếc xe mô tô BKS: 26D1 - 048.19 cho anh Nh

nhưng chỉ đưa số tiền 3.000.000 đồng cho M và hẹn khi nào M mang giấy đăng ký xe xuống sẽ lấy nốt số tiền còn lại. Sau đó, M cầm 3.000.000 đồng của anh Nh đưa cho, đi ra ngoài gặp Đ và đưa cho Đ số tiền 1.200.000 đồng còn M giữ lại số tiền 1.800.000 đồng, rồi cả hai bắt xe taxi đi về. Trên đường về M và Đ thống nhất nếu Đ1 đòi xe thì nói xe đang bị Cảnh sát giao thông huyện Y giữ, chưa trả được. Khi về đến nhà nghỉ Thành Trung, M đưa cho Đ số tiền 200.000 đồng để trả tiền taxi, rồi M đi lên phòng còn Đ đi về nhà. Thấy M, anh Đ1 hỏi “xe em đâu”, M trả lời “Đ mượn ra đây xiu”, anh Đ1 nói tiếp “sao anh lại cho mượn bậy bạ vậy”, M đáp lại “không sao đâu tý nữa nó quay lại thôi”. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, thấy Đ chưa quay lại, anh Đ1 bảo M cung cấp số điện thoại để anh Đ1 gọi đòi xe, anh Đ1 gọi nhưng không thấy ai nghe máy. Sau đó, M và anh Đ1 trả phòng nghỉ ra về. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, anh Đ1 tiếp tục gọi Zalo cho Đ, thì Đ nói với anh Đ1 “xe bị Giao thông Y bắt từ chiều, M không nói với mày à”, anh Đ1 quay ra hỏi M “thế là sao”, M trả lời “anh có biết gì đâu”, rồi nói tiếp với Đ “em cho anh mượn xe mà”, thì Đ liền tắt máy. Sau đó, M nói với Đ1 để sáng hôm sau đến nhà Đ hỏi xem. Đến sáng ngày 08/11/2022, M thông báo cho Đ1 biết là Đ đã cầm chiếc xe mô tô BKS 26D1 - 048.19 của Đ1, Đ1 gọi điện cho Đ xác thực thì giữa Đ và M đổ tội cho nhau là người cầm xe của Đ1 rồi tắt máy. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Đ nhắn tin cho Đ1 với nội dung tố M là người cầm xe của Đ1 và ngỏ ý muốn dẫn Đ1 đi chuộc xe, thì Đ1 đồng ý. Đến sáng ngày 10/11/2022, Đ cùng anh Đ1 và bà Hoàng Thị H (mẹ của anh Đ1) đến phòng trọ của bà Lương Thị H (là mẹ của M) đang ở trọ tại thôn H, xã L, huyện Y, tỉnh H. Tại đây, Đ nói với mọi người là M đã cầm chiếc xe mô tô của anh Đ1 lấy 4.000.000 đồng. Sau khi biết việc M cầm xe, bà H đồng ý đứng ra bỏ tiền chuộc xe cho anh Đ1 và hẹn đến sáng ngày hôm sau đến lấy tiền. Đến tối cùng ngày, ông Mùi Văn B (là bố đẻ của M) chuyển số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho bà H1 (bố mẹ M đã ly hôn nên thỏa thuận mỗi người sẽ chịu 2.000.000 đồng). Theo lịch hẹn, sáng ngày 11/11/2022, anh Đ1, bà H1 cùng Đ có mặt tại phòng trọ của bà H, thì bà H đưa tiếp cho anh Đ1 2.000.000 đồng, anh Đ1 cầm tiền rồi chờ bà H1 cùng Đ đi chuộc xe. Theo sự hướng dẫn của Đ khi đi qua UBND xã T khoảng 200m thì Đ bảo dừng lại ngay đầu ngõ quầy thuốc số 5. Vì không đủ tiền mặt nên bà H1 hỏi Đ “Có chuyển khoản được không”, Đ đáp “Không”, rồi anh Đ1 cùng bà H1 đi rút tiền mặt, khi rút tiền xong anh Đ1 và bà H1 quay lại thấy Đ đang ngồi trên xe mô tô không gắn biển số cùng một nam thanh niên tên V (là bạn của Đ), Đ nói với Đ1 “bảo mẹ đứng ở đây rồi đi theo anh”, Đ1 nhận số tiền 4.000.000 đồng từ bà H1 rồi đi theo Đ, đi được một đoạn thì Đ ra hiệu dừng xe rồi nói với Đ1 “đợi ở đây 5 phút anh mang xe ra cho, đưa tiền đây”, Đ1 đưa số tiền

4.000.000 đồng cho Đ, Đ nhận tiền rồi ngồi lên xe để Việt chở đi, không chuộc xe cho anh Đ1 và chiếm đoạt số tiền 4.000.000đồng.

Đến ngày 17/11/2022, thì Mùi Văn M và Đỗ M Đ bị bắt trong trường hợp khẩn cấp.

Quá trình điều tra, Mùi Văn M và Đỗ M Đ đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đối với thanh niên tên V, theo như Đ khai là quen biết V khi chơi Game tại xã T, V không biết Đ chiếm đoạt số tiền 4.000.000đồng của anh Đ1. Cơ quan CSĐT Công an huyện Y đã phối hợp Công an xã T rà soát nhưng không xác định được người nào tên V theo như Đ khai nên không có căn cứ xử lý.

Ngày 31/12/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã trả lại chiếc xe mô tô nêu trên cho anh Hoàng Thiệu Đ1, anh Đ1 đã nhận và không có yêu cầu đề nghị gì.

Về trách nhiệm dân sự: Mùi Văn M đã tác động gia Đ1 bồi thường số tiền 4.000.000 đồng cho anh Hoàng Thiệu Đ1, tuy nhiên số tiền này anh Đ1 đã đưa cho Đ để đi chuộc xe nhưng Đ đã chiếm đoạt của anh Đ1, anh Đ1 đề nghị Đ phải bồi thường trả anh số tiền này. Bà H, ông B không yêu cầu giải quyết số tiền 4.000.000đồng đã đưa cho anh Đ1 và bà H1.

Về vật chứng: Đối với số tiền 3.000.000 đồng của anh Đặng M Nh đưa trả Đ, sau đó Đ và M đã tiêu sài hết. Nay anh Nh không có yêu cầu đề nghị gì.

Tại Cáo trạng số 15/CT -VKS - YM ngày 10 tháng 02 năm 2023, của VKSND huyện Yên Mỹ truy tố các bị cáo Mùi Văn M và Đỗ M Đ về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố và đều xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Mùi Văn M và Đỗ M Đ phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với cả hai bị cáo. Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo M; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đ.

Đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ M Đ từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2022.

Đề nghị xử phạt bị cáo Mùi Văn M từ 09 tháng đến 01 năm tù thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 586 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với bị cáo Đ.

Buộc bị cáo Đỗ M Đ phải bồi thường trả anh Hoàng Thiệu Đ1 số tiền 4.000.000đồng.

Về án phí: Bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo M.

Người bào chữa cho bị cáo M có quan điểm nhất trí với Luận tội của Viện kiểm sát và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo M nhất trí với ý kiến của người bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 07/11/2022, tại thôn L, xã L, huyện Y, Đỗ M Đ và Mùi Văn M đã có lời nói gian dối để anh Hoàng Thiệu Đ1 tin tưởng giao cho 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nuovo trị giá 8.000.000 đồng, sau đó Đ và M đem đi bán lấy 3.000.000 đồng. Ngày 11/11/2022, tại địa bàn xã T, huyện Yên Mỹ, Đỗ M Đ tiếp tục dùng thủ đoạn gian dối để anh Đ1 tin tưởng giao cho 4.000.000 đồng để đi chuộc xe, nhưng sau đó chiếm đoạt số tiền này. Hành vi của Đỗ M Đ và Mùi Văn M đã cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự, do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố các bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần thiết phải xử lý bằng pháp luật hình sự đối với các bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm mục đích răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe máy của anh Đ1 các bị cáo là đồng phạm giản đơn, giữ vai trò ngang nhau trong việc thực hiện tội phạm nên khi quyết định hình phạt HĐXX cũng xem xét đến tính chất, mức độ hành vi phạm tội do từng bị cáo thực hiện, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Đ ngày 11/11/2020, bị xử phạt 01 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm và hai lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Đ1 nên bị cáo bị áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h và g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo M không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo M phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là người không có công ăn việc làm ổn định, không có tài sản, bị cáo M còn là người dân tộc thiểu số thuộc diện đặc biệt khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 4.000.000đồng bị cáo Đ đã chiếm đoạt của anh Đ1, anh Đ1 đề nghị bị cáo phải bồi thường trả anh số tiền này là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với số tiền 4.000.000đồng của bà Lương Thị H và ông Mùi Văn B đã đưa cho bà Hoàng Thị H và anh Hoàng Thiệu Đ1, bà H và ông B không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 3.000.000 đồng của anh Đặng M Nh đưa trả M, sau đó Đ và M đã tiêu sài hết. Nay anh Nh không có yêu cầu đề nghị gì. HĐXX xác định đây là tiền các bị cáo thu lợi từ việc phạm tội mà có nên sẽ truy thu nộp vào Ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí trách nhiệm dân sự

Bị cáo M là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ áp dụng pháp luật:

Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với cả hai bị cáo Đ và M.

Căn cứ điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Đ.

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo M.

2. Tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đỗ M Đ và Mùi Văn M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

3. Hình phạt:

Xử phạt bị cáo Đỗ M Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2022.

Xử phạt bị cáo Mùi Văn M 09 (chín) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2022.

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đỗ M Đ phải bồi thường trả anh Hoàng Thiểu Đ1, Cư trú: Bản N, xã G, huyện P, tỉnh S số tiền 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng).

Kể từ ngày anh Đ1 có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Đ chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Biện pháp tư pháp: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.200.000đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) của bị cáo Đỗ M Đ và 1800.000đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng) bị cáo Mùi Văn M.

6. Về án phí: Bị cáo Đỗ M Đ phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn) án phí HSST và 300.000đồng (ba trăm nghìn) án phí trách nhiệm dân sự

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Mùi Văn M.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Y;
- TAND + VKSND tỉnh H;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Y;
- Cơ quan THAHS CA huyện Y;
- Trại tạm giam;
- Chi cục THA huyện Y;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Nhiên